

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Anh	Tuấn	3671030031	06/10/1994	4,10	,00	1,20	
2	Đàm Quang	Huy	3671030042	25/08/1992	1,90	,00	,60	
3	Hồ Quốc	Bảo	3671030049	14/03/1994	3,70	,00	1,10	
4	Phan Bá	Cầu	3671030067	23/12/1994	5,30	,00	1,60	
5	Đỗ Trọng	Nguyên	3671030069	04/03/1994	3,80	,00	1,10	
6	Văn Công Tuấn	Anh	3671030072	07/05/1993	3,30	,00	1,00	
7	Đỗ Nhựt	Minh	3671030096	14/09/1994	3,80	1,80	2,40	
8	Trần Phạm Thanh	Tài	3671030098	16/10/1994	2,70	,00	,80	
9	Võ Hoàng	Nam	3671030099	26/08/1994	1,80	,00	,50	
10	Dương Trung	Quốc	3671030102	01/01/1994	3,70	,80	1,70	
11	Lý Thế	Diễn	3671030111	25/08/1994	4,00	,80	1,80	
12	Lê Hạnh	Toàn	3671030114	06/08/1994	2,80	,00	,80	
13	Nguyễn Thanh	Trọng	3671030116	02/11/1994	1,80	,00	,50	
14	Lê Đức	Huy	3671030122	12/02/1993	4,30	2,80	3,20	
15	Nguyễn Bảo	Quốc	3671030138	17/10/1994	3,20	4,30	4,00	
16	Nguyễn Thành	Phúc	3671030152	16/07/1994	2,70	,00	,80	
17	Nguyễn Nhật	Nam	3671030154	20/11/1994	5,90	,00	1,80	
18	Lê Quang	Huy	3671030157	16/07/1994	2,90	,50	1,20	
19	Lê Xuân	Thông	3671030163	01/01/1994	3,30	1,30	1,90	
20	Lương Hoàng	Lộc	3671030188	20/07/1994	2,80	,00	,80	
21	Huỳnh Bạch Duy	Phát	3671030191	06/05/1994	3,30	3,00	3,10	
22	Trần Huy	Bảo	3671030209	12/03/1993	3,00	2,00	2,30	
23	Hồ Võ Quốc	Bảo	3671030215	20/09/1994	4,10	,30	1,40	
24	Nguyễn Thanh	Tinh	3671030219	14/09/1991	2,50	4,50	3,90	
25	Nguyễn Danh	Tài	3671030222	06/06/1994	3,60	2,30	2,70	
26	Nguyễn Hữu	Phiến	3671030225	24/07/1994	,90	,00	,30	
27	Bùi Phan Tín	Đông	3671030227	24/08/1994	3,00	,50	1,30	
28	Phạm Duy	Tuấn	3671030241	09/03/1994	6,20	6,00	6,00	
29	Nguyễn Thế	Chiến	3671030243	28/02/1993	4,30	1,30	2,20	
30	Phạm An	Khang	3671030256	05/09/1994	3,40	2,00	2,40	
31	Tăng Thanh	Hùng	3671030258	10/05/1992	1,70	,30	,70	
32	Lê Minh	Nhật	3671030263	22/08/1994	3,90	1,50	2,20	
33	Nguyễn	Hoàng	3671030268	24/06/1994	3,80	,00	1,10	
34	Huỳnh Đông	Khoa	3671030279	10/02/1993	3,20	4,30	4,00	
35	Nguyễn Thị	Nết	3671030286	11/10/1994	5,00	2,50	3,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Hà Việt	Anh	3671030295	17/11/1993	4,20	,00	1,20	
37	Nguyễn Vũ	Đức	3671030296	16/08/1994	3,30	2,50	2,70	
38	Lý Văn	Đức	3671030297	17/09/1991	3,30	,00	1,00	
39	Lê Nhựt	Thanh	3671030298	03/09/1994	3,20	,00	,90	
40	Trương Hoài	Trưởng	3671030301	09/08/1994	5,00	3,50	4,00	
41	Nguyễn Quốc	Trung	3671030303	27/09/1994	3,30	,00	1,00	
42	Nguyễn Tấn	Thức	3671030305	15/06/1994	5,90	1,30	2,70	
43	Phạm Trọng	Hậu	3671030306	08/09/1994	5,30	,00	1,60	
44	Lê Hồng	Thịnh	3671030309	22/09/1994	4,80	4,30	4,50	
45	Dương Ngọc	Thịnh	3671030313	02/03/1994	2,70	1,30	1,70	
46	Lê Hoàng	Sa	3671030319	22/04/1994	3,40	3,80	3,70	
47	Ngô	Hiếu	3671030322	02/06/1993	2,90	4,50	4,00	
48	Dương Thê	Huỳnh	3671030324	08/12/1994	4,00	,00	1,20	
49	Trà Quốc	Bảo	3671030327	04/07/1994	3,30	3,50	3,40	
50	Nguyễn Huỳnh	Đoàn	3671030330	06/10/1994	5,20	3,50	4,00	
51	Huỳnh Ngọc Thanh	Hoàng	3671030331	23/02/1994	2,90	,50	1,20	
52	Nguyễn Thành	Đồng	3671030337	21/09/1994	1,40	,00	,40	
53	Nguyễn Trần Ninh	Thuận	3671030340	01/07/1994	6,00	3,30	4,10	
54	Trần Thanh	Tân	3671030342	26/01/1994	3,10	1,50	2,00	
55	Nguyễn Thái Anh	Tuấn	3671030349	02/04/1993	2,80	,00	,80	
56	Trần Nghĩa	Thảo	3671030352	14/10/1993	5,90	4,00	4,60	
57	Hồ Tuấn	Anh	3671030355	26/09/1993	2,50	,00	,80	
58	Nguyễn Anh	Việt	3671030356	10/08/1991	2,00	,00	,60	
59	Huỳnh Trí	Tài	3671030361	22/03/1994	3,20	,00	,90	
60	Trần Huy	Hoàng	3671030376	14/08/1994	4,80	,00	1,40	
61	Mai Văn	Vũ	3671030379	10/05/1993	2,80	,00	,80	
62	Trương Quang	Lưu	3671030381	28/03/1994	4,90	,30	1,70	
63	Ngô Minh	Nhân	3671030385	24/08/1994	4,70	2,80	3,40	
64	Nguyễn Duy	Châu	3671030398	24/06/1993	,00	,00	,00	
65	Lưu Thanh	Tài	3671030399	07/03/1994	4,40	,00	1,30	
66	Đinh Văn	Nam	3671030401	10/05/1993	6,20	2,00	3,20	
67	Trịnh Nam	Hiệp	3671030404	28/07/1993	3,40	,00	1,00	
68	Nguyễn Phúc	Hậu	3671030409	14/10/1994	3,50	2,80	3,00	
69	Vũ Ngọc	Lâm	3671030416	10/07/1993	3,20	,00	,90	
70	Trần Công	Lịch	3671030440	17/07/1994	4,80	2,50	3,20	
71	Lưu Thanh	Hữu	3671030444	10/08/1994	3,10	,50	1,30	
72	Phạm Văn	Linh	3671030449	12/09/1994	3,40	,80	1,60	
73	Trần Công	Vinh	3671030458	10/03/1994	3,00	,00	,90	
74	Trần Quang	Minh	3671030461	27/08/1994	3,40	4,00	3,80	
75	Vô Văn	Cương	3671030472	30/03/1994	2,70	,00	,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Võ Văn	Vương	3671030478	15/12/1994	2,80	2,80	2,80	
77	Nguyễn Hoài	Sơn	3671030485	18/01/1994	1,80	2,30	2,10	
78	Trần Minh	Bảo	3671030488	03/10/1994	3,60	,00	1,10	
79	Phan Quang	Khoa	3671030496	07/06/1992	1,80	,50	,90	
80	Đoàn Minh	Khoa	3671030497	05/12/1994	2,20	,00	,60	
81	Phan Nhật	Huy	3671030507	09/02/1994	4,40	1,80	2,60	
82	Lê Văn	Trãi	3671030510	23/12/1994	2,20	4,00	3,40	
83	Võ Thanh	Toàn	3671030516	28/11/1994	,00	,00	,00	
84	Nguyễn Văn	Tĩnh	3671030518	04/06/1994	7,10	2,50	3,90	
85	Võ Trọng	Hữu	3671030519	03/01/1994	3,30	1,30	1,90	
86	Lâm Văn	Huy	3671031611	25/06/1994	2,80	,30	1,10	
87	Ngô Viết	Lâm	3671031630	15/02/1990	2,70	,00	,80	
88	Nguyễn Duy Huy	Hoàng	3671031860	10/04/1994	3,20	,00	,90	
89	Võ Chấn	Khang	3671031909	14/07/1994	5,30	4,50	4,70	
90	Nguyễn Văn	Trọng	3671031974	11/12/1993	,00	,00	,00	
91	Biện Văn	Chính	3671031979	10/12/1994	5,50	3,00	3,80	
92	Huỳnh Quốc	Đạt	3671032025	21/11/1994	3,80	2,30	2,70	
93	Nguyễn Thành	Dôn	3671032034	20/05/1994	3,50	,00	1,10	
94	Ngô Hồng	Kha	3671032053	13/11/1993	2,40	1,50	1,80	
95	Nguyễn Hồ Vũ	Cường	3671050415	05/12/1993	,90	,00	,30	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)